

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/DS-ST**

Ngày 26-4-2022

V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đạm

Bà Lê Thị Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đức T, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Ấp I, xã HT, huyện KH, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1962 (có mặt) và bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt); cùng địa chỉ cư trú: Ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/06/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Đức T trình bày:

Theo giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 07/09/2020 thì ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng xác nhận còn nợ ông Bùi Đức T số tiền là 107.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k. Ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng cam kết trả toàn bộ số tiền và vàng vào ngày 20/04/2021 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Nay

ông Bùi Đức T yêu cầu ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng trả lại số tiền đã mượn là 107.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k; ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

2. Bị đơn ông Trần Văn Th cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ng trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của ông Bùi Đức T là đúng sự thật. Hiện nay vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng còn nợ ông Bùi Đức T số tiền là 107.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k theo giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 07/09/2020. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện ngày 28/06/2021 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền là 107.000.000đ và 1 chỉ vàng 24k theo giấy nhận nợ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tài sản nêu trên và không yêu cầu tính lãi suất. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS năm 2015; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Ng có đơn xin vắng mặt trong tất cả các hòa giải và công khai chứng cứ; xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị Ng.

[3] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa, ông Bùi Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng trả số tiền là 107.000.000đ và 1 chỉ vàng 24k. Xét thấy, số tiền và vàng mà ông Bùi Đức T yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng trả lại là phù hợp với giấy nhận nợ ngày 07/09/2020 và phù hợp với lời thừa nhận của ông Trần Văn Th tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức T là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

Riêng đối với yêu cầu của ông Trần Văn Th xin trả dần hàng tháng là 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ không được phía nguyên đơn đồng ý nên cũng không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm là:* 107.000.000đ + 1 chỉ vàng 24k (giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.560.000đ) x 5% án phí = 5.628.000đ. Lẽ ra ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng chịu toàn bộ nhưng xét thấy ông Thắng và bà

Ngưng thuộc diện người cao tuổi, là đối tượng được miễn án phí, tại phiên tòa ông Thắng cũng có yêu cầu xin miễn án phí vì đã cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Đức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.675.000đ theo lai thu số 0006917 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức T về việc yêu cầu ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng trả lại tài sản.

1. Buộc ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng trả lại cho ông Bùi Đức T số tiền là 107.000.000đ (một trăm lẻ bảy triệu đồng) và 1 (một) chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: $107.000.000đ + 1 \text{ chỉ vàng } 24k \text{ (giá vàng tại thời điểm xét xử là } 5.560.000đ) \times 5\% \text{ án phí} = 5.628.000đ$. Lẽ ra ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng chịu toàn bộ nhưng xét thấy ông Thắng và bà Ngưng thuộc diện người cao tuổi, là đối tượng được miễn án phí, tại phiên tòa ông Thắng cũng có yêu cầu xin miễn án phí vì đã cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho ông Trần Văn Th và bà Huỳnh Thị Ng.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Đức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.675.000đ theo lai thu số 0006917 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Kiên Hải;
- Chi cục Thi hành án Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh